TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/KDTM - PT
Ngày: 15 – 02 – 2023
V/v ‘’Tranh chấp Hợp đồng xây dựng’’

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bé.

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Hiếu.

Bà Trần Thị Thanh Mai.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Mỹ Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng:*** Bà Nguyễn Thị Tú Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại phúc thẩm thụ lý số: 25/2022/TLPT-KDTM ngày 13 tháng 10 năm 2022 về “*Tranh chấp Hợp đồng xây dựng*” .

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số: 06/2022/KDTM-ST ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 24/2022/QĐ – PT ngày 02 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 167/2022/QĐ–PT ngày 16 tháng 12 năm 2022 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 06/TB-TA ngày 05/01/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn X; Trụ sở: Lô 5-B1.10 khu đô thị sinh thái Hòa Xuân- HĐ1B, phường H, quận C, thành phố Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đại T, chức vụ: Chuyên viên pháp chế; địa chỉ: số 71 đường Đ, quận S, thành phố Đ, theo Giấy ủy quyền số 05/GUQ-

VC25-TCHC ngày 10/01/2022 của ông Lã Văn H - Giám đốc. Ông H có mặt, ông T vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Trần Hải A, Luật sư của Công ty luật TNHH Trần Hải A, địa chỉ: Lô 5-B1.10 KĐT sinh thái Hòa Xuân - GĐ1B, phường H, quận C, thành phố Đ, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ. Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Du lịch dịch vụ và đầu tư xây dựng H; Trụ sở tại: Số 15 đường T, phường K, quận N, thành phố Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Huyền T. Sinh năm 1995; địa chỉ: 710B, Khách sạn Mường Thanh Luxury Sông Hàn, số 115 đường N, phường N, quận H, thành phố Đ (theo Giấy ủy quyền ngày 10/6/2022 của ông Thân Đức K, Giám đốc, người đại diện theo pháp luật Công ty). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Trần Quang H, ông Nguyễn Văn T, ông Lê Tuấn Q – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Ông H, ông T vắng mặt. Ông Q có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ phần Xây dựng công trình 545; Địa chỉ: 324 đường N, phường K, quận C, TP. Đ. Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Công ty Cổ phần Du lịch dịch vụ và đầu tư xây dựng H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn X trình bày: Công ty TNHH Xây dựng và Công nghệ mới SBTV và Công ty Cổ phần Du lịch và Đầu tư Xây dựng H ký kết Hợp đồng kinh tế giao nhận thầu xây lắp số: 20/07/2012/VAHĐAI/SBTV ngày 20/7/2012 và Phụ lục Hợp đồng số 24/6/2013/PLHD/SBTV ngày 24/6/2013; Phụ lục Hợp đồng số 02/07/2013/PLHD/SBTV ngày 02/7/2013; Phu lục hợp đồng 24/4/2014/PLHD/SBTV ngày 24/4/2014 (Sau đây gọi tắt là "Phụ lục Hợp đồng"). Về việc: Xây dựng đường vành đai phía Nam thành phố với tổng giá trị ký kết theo Hợp đồng số: 20/07/2012/VAHĐAI/SBTV ngày 20/7/2012- Phụ lục hợp đồng là 11.695.489.056 đồng; theo đó:

- Tổng giá trị quyết toán theo Hợp đồng số: 20/07/2012/VAHĐAI/SBTV ngày 20/7/2012 là 11.097.155.718 đồng.

+ Số tiền Công ty Xđã xuất hóa đơn là 10.570.205.660 đồng.

+ Số tiền Công ty xây dựng H đã thanh toán là 10.301132.270 đồng.

+ Số tiền Công ty xây dựng H đã xác nhận nợ đến ngày 31/12/2019 là 260.073.050 đồng.

+ Số tiền Công ty xây dựng H còn nợ theo hồ sơ quyết toán do Công ty Xlập là 526.949.489 đồng.

+ Số tiền Công ty xây dựng H phải thanh toán tiếp theo là 796.023.448 đồng.

Tổng số tiền Công ty xây dựng H phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiếp theo cho Công ty Xtheo Hợp đồng số 29/07/2012/VAHDAI/SBTV ngày 20/7/2012 và phụ lục Hợp đồng là 796.023.4484 đồng.

Tính đến ngày 10/01/2022, Công ty X đã nhiều lần yêu cầu Công ty xây dựng H thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền 796.023.448 đồng và ký kết hồ sơ quyết toán công trình nhưng Công ty xây dựng Hvẫn cố tình trì hoãn không thanh toán tiền cũng như không có bất kỳ sự phản hồi nào cho Công ty X. Nay Công ty TNHH xây dựng và công nghệ mới X yêu cầu Toà án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn giải quyết: Buộc Công ty Cổ phần Du lịch dịch vụ và đầu tư xây dựng H thanh toán số tiền Công ty xây dựng H đã xác nhận nợ đến ngày 31/12/2019 là 269.073.959 đồng và thanh toán cho Công ty X số tiền do chậm thanh toán là 82.665.499 đồng của khoản nợ 269.073.959 đồng do chậm thanh toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 01/01/2022. Riêng số tiền 526.949.489 đồng đối với khối lượng đã thi công cộng dồn từ đợt 01 đến đợt 13 Công ty X sẽ gửi hồ sơ yêu cầu Công ty Cổ phần Du lịch dịch vụ và đầu tư xây dựng H xem xét quyết toán.

- *Bị đơn là Công ty Cổ phần Du lịch dịch vụ và đầu tư xây dựng H và người đại diện theo ủy quyền của Công ty trình bày:* Căn cứ nội dung biên bản đối chiếu công nợ ngày 11/01/2019 ký kết giữa Công ty H và Công ty X, số tiền Công ty H phải trả cho Công ty X là 269.073.959 đồng, phần công nợ trong biên bản này gồm hai nội dung khác nhau: Phần nợ do Công ty H mua vật tư, thuê thiết bị, ca máy của Công ty X để thi công công trình nâng cấp, mở rộng QL1A đoạn qua huyện Thăng Bình số tiền 28.641.816 đồng. Phần nợ do Công ty H tạm giữa lại chưa thanh toán giá trị khối lượng xây ngày 20/07/2012, thi công xây lắp công trình đường vành đai phía Nam TP. Đà Nẵng số tiền 240.432.143 đồng, cụ thể:

Theo nội dung Hợp đồng xây lắp số: 20/07/2012/VANHĐAI/SBTV ngày 20/07/2012, thi công xây lắp công trình đường vành đai phía Nam thành phố Đà Nẵng. Hàng tháng Công ty H sẽ xác nhận phần giá trị khối lượng thực hiện được của Công ty X và trên cơ sở đó Công ty H sẽ thanh toán đến 85% giá trị nghiệm thu của mỗi đợt thanh toán giá là trị khối lượng được quyết toán cho Công ty X 5% giá trị khối lượng Công ty H sẽ giữ lại bảo hành công trình và sẽ thanh toán cho Công ty X với 02 điều kiệu là hết thời hạn của chủ đầu tư.

Căn cứ hồ sơ nghiệm thu đợt 13, tổng giá trị khối lượng xây lắp hoàn thành được nghiệm thiệm thu của Công ty X là 10.570.206.229 đồng (giá trị đã bao gồm thuế GTGT). Như vậy, tổng số tiền Công ty H được phép giữ lại chờ quyết toán theo như nội

dung Hợp đồng trên tương ứng với 10% tổng giá trị khối lượng nghiệm thu của Công ty X là khoảng 1.057.020.623 đồng (không bao gồm số tiền tạm giữ chờ bảo hành công trình). Tuy nhiên, hiện hiện nay số tiền Công ty H tạm giữ lại chưa thanh toán của Công ty X chỉ là 240.432.143 đồng. Điều này cho thấy thiện chí của Công ty H trong việc thanh toán nợ cho Công ty X trong thời gian chờ quyết toán công trình.

Mặt khác, về việc chậm trễ trong công tác quyết toán giá trị khối lượng hoàn thành với Công ty X, Công ty H xin trình bày như sau:

Công ty H cũng chỉ là đơn vị thầu phụ của một đơn vị xây lắp thầu chính khác và tính đến thời điểm hiện tại đơn vị thầu chính vẫn chưa ký kết hồ sơ quyết toán công trình đường vành đai phía nam thành phố Đà Nẵng cho Công ty dẫn đến có sự chậm trễ trong việc ký kết quyết toán giữa Công ty H với nhà thầu phụ của Công ty H trong đó có Công ty X. Theo giải thích của đơn vị thầu chính nguyên nhân chậm quyết toán với các thầu phụ là do mãi đến tháng 09/2021 họ mới quyết toán xong khối lượng công trình đường vành đai phía nam với chủ đầu tư là đại diện UBND thành phố Đà Nẵng và do dịch Covid-19 bùng phát trở lại nên đã chậm trễ trong việc quyết toán lại với các đơn vị thầu phụ. Kế hoạch thanh toán đối với các khoản nợ trên: Đối với khoản nợ do mua vật tư, thuê thiết bị, ca máy của Công ty X Công ty H xin đề nghị được thanh toán cho Công ty Xtrước ngày 31/8/2022. Đối với khoản nợ do Công ty Htạm giữ lại chờ quyết toán khối lượng hoàn thành của Hợp đồng kinh tế số: 20/07/2012/VANHDAI/SBTV ngày 20/07/2012: Hiện tại, hồ tự quyết toán Công ty Xgửi cho Công ty Hcòn thiệu rất nhiều các hạng mục nội dung, đồng thời có rất nhiều khối lượng thi công không có trong thực tế cũng được Công ty X đưa vào quyết toán. Vì đây là công trình trọng điểm của thành phố Đà Nẵng sử dụng nguồn vốn Ngân sách Nhà nước nên Công ty cần phải rà soát hết sức thận trọng và chi tiết để loại trừ các khối lượng bị kê khống. Do đó, Công ty H xin thực việc quyết toán giá trị khối lượg hoàn thành đến trước thời điểm ngày 31/8/2022. Trên cơ sở giá trị quyết toán hai bên Công ty sẽ xác định được số tiền công nợ thực tế của Hợp đồng số 20/07/2012/VANHDAI/SBTV.

Trường hợp sau khi quyết toán nếu Công ty H còn nợ Công ty X, Công ty H xin đề nghị được thanh toán toàn bộ số tiền nợ trong vòng 06 tháng kể từ ngày hai bên ký kết quyết toán. Trường hợp sau khi quyết toán tiêu Công ty X phải trả lại tiền thanh toán cho Công ty H, Công ty H xin đề nghị Công ty X thanh toán trong vòng 06 tháng kể từ ngày hai Bên ký kết quyết toán.

Ông Nguyễn Phú Lộc xác nhận số tiền 269.073.959 đồng là tiền tạm giữ lại chờ quyết toán của Hợp đồng kinh tế số: 20/07/2012/VANHDAUSBIV ngày 20/7/2012, đề nghị Công ty X cung cấp hồ sơ quyết toán theo điều 7 của Hợp đồng trên; sau khi hai

bên đã ký kết hồ sơ quyết toán thì Công ty Cổ phần Du lịch dịch vụ và đầu tư xây dựng H sẽ thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ trong thời hạn 06 tháng.

** Với nội dung vụ án như trên, Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số: 06/2022/KDTM-ST ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn quyết định:* Căn cứ vào Điều 140, Điều 144 Luật xây dựng. Điều 306 Luật thương mại. Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn X về việc tranh chấp Hợp đồng kinh tế đối với Công ty Cổ phần Du lịch dịch vụ và đầu tư xây dựng H.

Tuyên xử: Buộc Công ty Cổ phần Du lịch dịch vụ và đầu tư xây dựng H phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn X số tiền là 349.796.146 đồng; trong đó tiền nợ 269.073.959 đồng, tiền chậm thanh toán là 80.722.187 đồng.

Công ty Cổ phần Du lịch dịch vụ và đầu tư xây dựng H phải ký kết các hồ sơ, tài liệu liên quan đến công tác quyết toán công trình xây dựng theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ chịu lãi chậm thi hành án, án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo và thi hành bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/01/2023, bị đơn Công ty H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty X. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bổ sung kháng cáo đề nghị hủy Bản án sơ thẩm vì những lý do sau:

- Cần đưa Chủ đầu tư và tham gia tố tụng với tư cách là Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, qua đó làm rõ vấn đề liên quan đến tiến độ thanh, quyết toán của Chủ đầu tư, theo thoả thuận về điều kiện thanh toán tại Điều 7 của Hợp đồng.
- Công ty H cũng lo ngại về chất lượng thi công xây lắp, bởi Công ty H và Công ty X chỉ xác nhận về khối lượng thi công, còn về chất lượng, tính phù hợp với chỉ dẫn kỹ thuật, bản vẽ thi công và các vấn đề khác thì thuộc thẩm quyền đánh giá của Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát, Chủ thầu. Trường hợp Công ty X thi công không đạt chất lượng có thể dẫn đến giảm giá trị quyết toán với Chủ đầu tư.
- Nguyên đơn được triệu tập hợp lệ vắng mặt liên tục 04 lần không có lý do, không có đề nghị xét xử vắng mặt, cần đình chỉ giải quyết vụ án.
- Thời hiệu khởi kiện đã hết. Văn bản xác nhận số dư ngày 11/01/2019 không phải là Văn bản thể hiện xác nhận công nợ giữa hai bên. Tính từ ngày 11/01/2019 đến ngày 15/02/2022 là ngày bị đơn cho rằng nguyên đơn nộp đơn khởi kiện là 03 năm và 34 ngày.

- Văn bản xác nhận số dư ngày 11/01/2019 thực chất là hành vi pháp lý đơn phương từ Công ty X, không xác lập lên bất cứ thỏa thuận, xác nhận nợ nào, bởi tại phần Công ty X ghi nhận thì đây là phần xác nhận một phía của Công ty X gửi đơn vị kiểm toán, gửi chính danh ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá AFA, không phải gửi cho Công ty H.

- Công ty H chưa phát sinh nghĩa vụ thanh toán số tiền 269.073.959 đồng cho Công ty X khoản 7.2 Điều 7 Hợp đồng số 20, mặc dù công trình thi công quyết toán hoàn thành và đã được bàn giao đưa vào sử dụng nhưng Công ty H nhận được tiền thanh toán từ Chủ đầu tư, Công ty X cung cấp đủ Hồ sơ quyết toán, chưa hết thời hạn bảo hành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về việc vắng mặt của đương sự: Đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần xây dựng công trình 545 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên đã được Toà án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng tiếp tục tiến hành phiên tòa, xét xử vắng mặt đương sự này.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn thì thấy:

[2.1] Theo bị đơn cho rằng vụ án đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng: Không đưa Chủ đầu tư là Ban quản lý Dự án thành phố Đà Nẵng vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: HĐXX xét thấy: Gói thầu C58: Xây dựng đường phía Nam thành phố Đà Nẵng được Ban Quản lý Dự án Đầu tư Cơ sở Hạ tầng Ưu tiên Thành phố Đà Nẵng (đại diện chủ đầu tư) giao thầu cho Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 545 theo Hợp đồng số: C58/2012/HĐ-PIIP ngày 30/6/2012. Công ty 545 giao thầu hạng mục "Nền, móng đường, bó vỉa, vỉa hè, dải phân cách và hố trồng cây & thoát nước thuộc Gói thầu C58 cho Công ty H theo Hợp đồng kinh tế giao nhận thầu xây lắp số: 121/HĐXL-KH-CTY ngày 07/7/2012. Công ty H tiếp tục giao thầu hạng mục "Cống hộp, thoát nước ngang, hố ga" là một phần hạng mục trên cho Công ty X thi công theo Hợp đồng số: 20/07/2012/VAHĐAI/SBTV và các Phụ lục. Tại các Hợp đồng giữa Công ty 545 với Công ty H, giữa Công ty H với Công ty X để thoả thuận điều kiện thanh toán là: "*… chỉ được thanh toán khi Bên A nhận được tiền của Chủ đầu tư"*. Mặc dù ràng buộc về điều kiện với nhau nhưng trên thực tế giữa Ban

Quản lý Dự án Đầu tư Cơ sở Hạ tầng Ưu tiên Thành phố Đà Nẵng và Công ty H không có ký kết Hợp đồng kinh tế nào. Do đó, việc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Công ty X không phụ thuộc vào việc Ban Quản lý Dự án Đầu tư Cơ sở Hạ tầng Ưu tiên Thành phố Đà Nẵng có trả tiền cho Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 545 hay chưa vì Ban Quản lý Dự án Đầu tư Cơ sở Hạ tầng Ưu tiên Thành phố Đà Nẵng không có liên quan đến Hợp đồng kinh tế giữa Công ty X và Công ty H.

[2.2] Về thời hiệu khởi kiện: Tại phiên toà sơ thẩm, trước khi tuyên án, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn Công ty H có yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng xây dựng số: 20/07/2012/VAHĐAI/SBTV và các Phụ lục. Bị đơn cho rằng thời hiệu khởi kiện đã hết và đề nghị đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự. Toà án cấp sơ thẩm không nhận định, giải quyết yêu cầu áp dụng thời hiệu của bị đơn là có vi phạm thủ tục tố tụng. Tuy nhiên xét tại Văn bản số: 06/CV – HOIAN ngày 08/3/2022, Công ty H thừa nhận nghĩa vụ thanh toán cho Công ty X cả 02 phần công nợ nêu trên, theo đó đối với khoản nợ mua vật tư, Công ty H xin đề nghị được thanh toán cho Công ty X trước ngày 31/8/2022, đối với khoản nợ Công ty H tạm giữ lại chờ quyết toán khối lượng hoàn thành của Hợp đồng kinh tế số: 20/07/2012/VANHDAI/SBTV ngày 20/07/2012 thì đề nghị hai bên thực hiện quyết toán giá trị khối lượng hoàn thành đến trước thời điểm ngày 31/8/2022 và thanh toán toàn bộ số tiền nợ trong vòng 06 tháng kể từ ngày hai bên ký kết quyết toán. Mặt khác, tại văn bản thừa nhận nghĩa vụ trả nợ của bị đơn ngày 11/01/2019 và gần đây nhất là ngày 31/12/2022 có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty H. Như vậy, Công ty H đã thừa nhận toàn bộ nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bác bỏ toàn bộ lời khai xác nhận trên là không có cơ sở. Trên cơ sở đó, xác định thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự bắt đầu lại kể từ ngày 31/12/2022 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 157 Bộ luật Dân sự 2015. Do đó vụ án không thuộc trường hợp hết thời hiệu khởi kiện. Toà án cấp sơ thẩm tiếp tục giải quyết vụ án là đúng pháp luật.

[2.3] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã triệu tập hợp lệ đến lần 2 vắng mặt, lẽ ra cấp sơ thẩm phải đình chỉ giải quyết vụ án nhưng cấp sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử vụ án là vi phạm thủ tục tố tụng. Tuy nhiên, tại giai đoạn phúc thẩm, nếu cấp phúc thẩm hủy bản án để đình chỉ giải quyết vụ án thì nguyên đơn vẫn được quyền khởi kiện lại theo Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy sẽ kéo dài thời gian giải quyết vụ án, trong khi đó thời hiệu vẫn còn và không có ảnh hưởng, thiệt hại gì đối với bị đơn. Do đó, cần rút kinh nghiệm đối với cấp sơ thẩm, mà không nhất thiết phải hủy bản án sơ thẩm.

[3] Về nội dung:

[3.1] Tại đơn khởi kiện ban đầu, Công ty X tranh chấp với Công ty Cổ phần Du lịch và Đầu tư Xây dựng Hội An về nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng kinh tế giao nhận thầu xây lắp số: 20/07/2012/VAHĐAI/SBTV ngày 20/7/2012 và các Phụ lục về việc xây dựng đường vành đai phía Nam thành phố Đà Nẵng. Theo đó, Công ty X yêu cầu Toà án buộc Công ty H thanh toán số tiền Công ty xây dựng H đã xác nhận nợ đến ngày 31/12/2019 là 269.073.959 đồng và tiền lãi chậm thanh toán. Khoản nợ 269.073.959 mà Công ty X khởi kiện được Công ty H xác nhận tại Văn bản ngày 11/01/2019 về xác nhận số dư phải trả tại ngày 31/12/2018 cho mục đích kiểm toán. Nguyên đơn xác định số tiền 269.073.959 đồng là công nợ của Hợp đồng 20, không liên quan đến bất cứ Hợp đồng nào. Còn bị đơn cung cấp tại Văn bản số: 06/CV – HOIAN ngày 08/3/2022, Công ty H xác định số công nợ này gồm: Phần nợ do Công ty H mua vật tư, thuê thiết bị, ca máy của Công ty X để thi công công trình nâng cấp, mở rộng QL1A đoạn qua huyện Thăng Bình số tiền 28.641.816 đồng. Phần nợ do Công ty H tạm giữa lại chưa thanh toán giá trị khối lượng xây ngày 20/07/2012, thi công xây lắp công trình đường vành đai phía Nam thành phố Đà Nẵng số tiền 240.432.143 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đều không thừa nhận ý kiến này, không xác nhận đối chiếu công nợ ngày 11/01/2019 và gần đây nhất là biên bản thừa nhận nghĩa vụ trả nợ của bị đơn ngày 31/12/2022. Mặt khác, cũng không cung cấp phần công nợ 28.641.816 đồng xuất phát từ Hợp đồng kinh tế nào. Do đó, nguyên đơn yêu cầu trả nợ gốc và tính lãi là hoàn toàn có căn cứ.

[3.2] Về yêu cầu trả số tiền chậm thanh toán: HĐXX phúc thẩm xét thấy: Ngày 11/01/2019, Công ty H đã xác nhận nghĩa vụ trả nợ đối với 269.073.959 đồng nên Công ty H phải có nghĩa vụ trả lãi cho SBTV 10%/năm từ ngày 12/01/2019 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 07/9/2022) là 1330 ngày nên tiền lãi là 99.407.876 đồng. Tuy nhiên, xét thấy cấp sơ thẩm tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 01/01/2022 là 80.722.184 đồng là xác định thời gian chậm trả là chưa chính xác. Song nguyên đơn không kháng cáo về phần lãi, đồng thời có lợi cho bị đơn nên xét thấy cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[4] Đối với số tiền 526.949.489 đồng do chưa được ký khối lượng quyết toán trong quá trình thi công công trình Đường Vành đai, nguyên đơn đã rút yêu cầu này nên cần đình chỉ đối với yêu cầu này. Cấp sơ thẩm không tuyên đình chỉ giải quyết đối với số tiền này là cần rút kinh nghiệm.

[5] Cấp sơ thẩm đã tuyên Công ty Cổ phần Du lịch và Đầu tư Xây dựng H phải ký kết các hồ sơ, tài liệu liên quan đến công tác quyết toán công trình xây dựng theo

quy định pháp luật là không thể thực hiện được bởi Công ty X chưa cung cấp đầy đủ hồ sơ quyết toán cho Công ty H nên không có cơ sở buộc Công ty H được.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị HĐXX hủy bản án sơ thẩm để đình chỉ giải quyết vụ án do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như đã trình bày trong nội dung kháng cáo. Xét thấy đề nghị của Luật sư là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[7] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm. Xét thấy phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[8] Từ những phân tích trên, HĐXX phúc thẩm có cơ sở không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần Du lịch và Đầu tư Xây dựng H.

[9] Về án phí KDTM-ST: Công ty Cổ phần Du lịch và Đầu tư Xây dựng H phải chịu: 17.489.807 đồng.

[10] Về án phí KDTM-PT: Do không chấp nhận kháng cáo nên Công ty Cổ phần Du lịch và Đầu tư Xây dựng H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[11] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kinh doanh thương mại ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa Bản án sơ thẩm về tiền lãi tính từ ngày thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 296, khoản 1 Điều 308, Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 140, 144 Luật Xây dựng; điểm a khoản 1 Điều 157 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/NQ- UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

I. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là Công ty Cổ phần Du lịch và Đầu tư Xây dựng H.

II. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 06/2022/KDTM-ST ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

1. Đình chỉ yêu cầu đối với số tiền 526.949.489 đồng do chưa được ký khối lượng quyết toán trong quá trình thi công công trình Đường Vành đai.

2. Chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn X đối với Công ty Cổ phần Du lịch và Đầu tư Xây dựng H về việc *''Tranh chấp Hợp đồng xây dựng''*.

3. Buộc Công ty Cổ phần Du lịch và Đầu tư Xây dựng H phải có nghĩa vụ trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn X số tiền: 349.796.146 đồng, trong đó tiền nợ 269.073.959 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 80.722.187 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Án phí Kinh doanh thương mại:

* Án phí sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần Du lịch và Đầu tư Xây dựng H phải chịu là 17.489.807 đồng (*Mười bảy triệu bốn trăm tám mươi chín ngàn tám trăm lẻ bảy đồng*).
- Hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn X số tiền tạm ứng án phí là 19.180.000 đồng *(Mười chín triệu một trăm tám mươi ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0001176 ngày 22/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

* Án phí phúc thẩm: Công ty Cổ phần Du lịch dịch vụ và đầu tư xây dựng H phải chịu: 2.000.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng theo Biên lai số 0001348 ngày 27/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Cục THADS TP. Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bé

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai **Cao Văn Hiếu** **Trần Thị Bé**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Cục THADS TP. Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bé